

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HS-ST
Ngày 01-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Huân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Tiếp** và ông **Lò Văn Tuấn**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lò Văn Hương**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông **Lê Xuân Chiến**, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Khoảng Văn Q, sinh năm 1972 tại huyện N, tỉnh Điện Biên.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản C, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 2/12.

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Khoảng Văn H, đã chết; Con bà: Poòng Thị N, sinh năm 1923.

Bị cáo có vợ Lò Thị C, sinh năm 1972 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1998.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bị cáo bị Tòa án xét xử đã được xóa án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/9/2020, tạm giam ngày 17/9/2020, có mặt.

2. Thùng Văn T, sinh năm 1977 tại huyện N, tỉnh Điện Biên.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản C, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 9/12.

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Thùng Văn X, đã chết.

Con bà: Lò Thị X, đã chết.

Vợ con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/9/2020, tạm giam ngày 17/9/2020, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Lò Thị C, sinh năm 1972, địa chỉ Bản C, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên, xin xét xử vắng mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Khoảng Văn Q:** Bà Nguyễn Thị Thu H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Thùng Văn T:** Bà Lê Thị Thúy An, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 12/9/2020, Thùng Văn T mua được 05 viên Methamphetamine của một người đàn ông lạ mặt đến nhà bán cho bị cáo với giá 50.000 đồng. Mua được ma túy, bị cáo cất giấu lên bàn thờ của gia đình. Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 13/9/2020, Khoảng Văn Q gọi điện thoại cho bị cáo T để mua ma túy. Thùng Văn T nói có 05 viên Methamphetamine và nhất trí bán cho Q. Khoảng 09 giờ ngày 14/9/2020, Khoảng Văn Q đến mua hết 05 viên Methamphetamine của T với giá 50.000 đồng nhưng chưa trả tiền. Mua được ma túy, Q đi về ra trước cửa nhà T thì bị tổ công tác Đoàn Biên phòng S phối hợp với Phòng phòng chống ma túy Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên và Công an huyện N phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Cáo trạng số 01/CT-VKS-NP ngày 24/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Khoảng Văn Q về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Thùng Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Tuyên phạt bị cáo Khoảng Văn Q từ 18 đến 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Tuyên phạt bị cáo Thùng Văn T từ 24 đến 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo Khoảng Văn Q và Thùng Văn T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 251 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên cho các bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, bản luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N và luận cứ bào chữa của các Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 09 giờ 30 phút ngày 14/9/2020 bút lục 01, 02 chứng minh bị cáo Khoảng Văn Q bị bắt khi đang tàng trữ trái phép chất ma túy. tổ công tác Đồn Biên phòng S phối hợp với Phòng phòng chống ma túy Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên đã thu giữ của bị cáo một gói ni lông màu trắng, mở bên trong có chứa 05 viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp. Thùng Văn T thừa nhận sở ma túy thu giữ của Khoảng Văn Q là do T bán cho Q để Q sử dụng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 17 giờ 30 phút ngày 14/9/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N bút lục số 36, 37 thì khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Khoảng Văn Q là 0,47 gam nghi ma túy tổng hợp, trích 0,17 gam gửi đi giám định.

Kết luận giám định số 855/GĐ-PC09 ngày 22/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục số 46 đã kết luận: Mẫu viên nén màu hồng trong vật chứng thu giữ của Khoảng Văn Q gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, mục IIC danh mục II Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy các bị cáo Khoảng Văn Q và Thùng Văn T có tội. Thùng Văn T đã mua được ma túy đồng thời bán lại số ma túy đó cho Khoảng Văn Q sử dụng cho bản thân. Chứng cứ xác định bị cáo Khoảng Văn Q đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Thùng Văn T đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 251 của Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo là độc lập nhau, không có sự liên kết cùng nhau thực hiện. Các bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội của mình bằng lỗi cố ý trực tiếp và đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khoảng Văn Q và Thùng Văn T đều có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội: Khối lượng ma túy bị thu giữ của Khoảng Văn Q là 0,47 gam Methamphetamine. Khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ ở trong khoảng từ 0,1 gam đến dưới 5 gam. Bị cáo Thùng Văn T cũng chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng ma túy thu giữ của Khoảng Văn Q. Tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng. Bị cáo Khoảng Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù. Bị cáo Thùng Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Các bị cáo đều sinh ra và lớn lên ở huyện N, tỉnh Điện Biên. Các bị cáo ở cùng Bản C, xã P, huyện N. Do không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, các bị cáo đã nghiện ma túy nhiều năm mà không từ bỏ được. Đây là nguyên nhân chính các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 24/8/2009, Khoảng Văn Q bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 08/11/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Các bản án bị cáo Khoảng Văn Q đã chấp hành xong hình phạt chính và các quyết định khác và đã đương nhiên được xóa án tích. Do vậy lần xét xử này Hội đồng xét xử không xem xét về án tích đối với bị cáo mà xem xét về nhân thân xấu của bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự thì các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Khoản 1 Điều 251 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên cho các bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo. Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho các bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249; khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Song xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, tài sản trong gia đình không có gì giá trị, các bị cáo không giữ chức vụ gì trong xã hội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Khoảng Văn Q và Thùng Văn T.

[8] Về vật chứng: Vật chứng là 0,47 gam Methamphetamine đã trích 0,17 gam gửi giám định không hoàn lại mẫu vật tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vật chứng là chiếc điện thoại OPPO màu đen - xanh, máy đã qua sử dụng là phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra vật chứng này thuộc quyền sở hữu của Lò Thị C và không liên quan đến hành vi phạm tội của Khoảng Văn Q. Hội đồng xét xử xem xét trả lại vật chứng cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự..

Vật chứng là chiếc điện thoại nhãn hiệu Itel, màu ghi - xám, máy đã qua sử dụng. Vật chứng thuộc quyền sở hữu của bị cáo Thùng Văn T và là phương tiện phạm tội. Vật chứng này tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Các vấn đề khác: Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ bị cáo Thùng Văn T khai mua của một người đàn ông không rõ lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không có đủ cơ sở để làm rõ đối tượng. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Khoản 1 Điều 251; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Khoàng Văn Q** phạm tội "**Tàng trữ trái phép chất ma túy**". Bị cáo **Thùng Văn T** phạm tội "**Mua bán trái phép chất ma túy**".

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo **Khoàng Văn Q 01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 14/9/2020.

- Xử phạt bị cáo **Thùng Văn T 02** (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 14/9/2020.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 0,47 gam Methamphetamine, trích mẫu gửi giám định 0,17 gam không hoàn lại đối tượng giám định. Vật chứng còn lại 0,3 gam và toàn bộ phần giấy nilon, phong bì niêm phong cũ. Vật chứng được đựng trong 01 phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 15 giờ 00 phút ngày 24/12/2020 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của Thùng Văn T 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu ITEL, màu ghi - xám, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho chị Lò Thị C, sinh năm 1972, địa chỉ Bản C, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên 01 chiếc điện thoại OPPO màu đen - xanh, máy đã qua sử dụng.

(Điện thoại đã được Công an huyện N bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện N hồi 15 giờ 00 phút ngày 24/12/2020).

4. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/02/2021). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền

kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các bị cáo, người bào chữa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Huân